

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Việt Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị P; trú tại: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh L; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1; ĐKKHKT: Thôn 7, xã V, huyện V1, thành phố H; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Lò Thị P trình bày:

Chị P và anh T1 kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có nhiều bất đồng về quan điểm, về cách sống nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Cuối năm 2022, anh T1 vi phạm pháp luật, bị truy tố về tội Sản xuất hàng cấm và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Bảo. Nay, Chị P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là Lò Thị Ngọc Bích, sinh ngày 15-3-2013. Ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lò Thị Ngọc Bích cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai có xác nhận của Công an huyện Vĩnh Bảo, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh T1 và Chị P kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L năm 2013. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như Chị P trình bày là đúng. Cuối năm 2022, anh T1 vi phạm pháp luật, bị truy tố về tội Sản xuất hàng cấm và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Bảo. Nay Chị P yêu cầu giải quyết ly hôn, anh T1 xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là Lò Thị Ngọc Bích, sinh ngày 15-3-2013. Ly hôn, anh T1 đồng ý để Chị P nuôi dưỡng chung cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia

đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho Chị Lò Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao con Lò Thị Ngọc Bích, sinh ngày 15-3-2013 cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ĐKHKTT tại Thôn 7, xã V, huyện V1, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Chị Lò Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ ba nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 80/2013, Quyền số 01/2013 ngày 12-11-2013. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị P và anh T1 là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị P và anh T1 đều cho rằng, quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Cuối năm 2022, anh T1 vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Sản xuất hàng cấm tại Bản án số: 21/2023/HS-ST ngày 23-3-

2023 và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Cho nên, giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nay Chị P yêu cầu giải quyết ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn với Chị P và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị P và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc Chị P yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị P và anh T1 có 01 con là Lò Thị Ngọc Bích, sinh ngày 15-3-2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn, Chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Xét thấy, Chị P đang làm công nhân có thu nhập và có chỗ ở ổn định để đảm bảo cuộc sống, có khả năng nuôi dưỡng con; anh T1 đang chấp hành án phạt tù nên đồng ý để Chị P nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, cháu Lò Thị Ngọc Bích hiện đang sống cùng Chị P và có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con Lò Thị Ngọc Bích cho Chị P nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Lò Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con Lò Thị Ngọc Bích, sinh ngày 15-3-2013 cho chị Lò Thị Pôm trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002398 ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đình Hữu Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quyết Nguyễn Thị Tâm

Đinh Hữu Hường